TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **14**/2021/QĐST - KDTM	*Diễn Châu, ngày 04 tháng 03 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 33/2021/TLST - KDTM ngày 19 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ: Số 35 HV, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T –Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T1 – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP B

(Theo quyết định ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng TMCP B)

Người được ủy quyền lại: Ông Võ Quốc T3 – Trưởng phòng khách hàng cá nhân thuộc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh P.

(Theo quyết định ủy quyền số 495/QĐ-BIDV.PD ngày 19/11/2020 của Giám đốc ngân hàng TMCP B – Chi nhánh P)

- Bị đơn: Ông Đào Quang M, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Xóm TT, xã N, huyện D, Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền nợ phải trả:

Ông Đào Quang M và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/02/2021 là 191.313.816 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi mốt triệu ba trăm mười ba nghìn tám trăm mười sáu đồng), trong đó: Tiền nợ gốc: 148.500.000 đồng, Tiền nợ lãi trong hạn: 30.921.619 đồng, Tiền nợ lãi quá hạn: 11.892.197 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 25 tháng 02 năm 2021, ông Đào Quang M và bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 04/2018/8058574/HĐTD ngày 03/07/2018.

2.2 Về xử lý tài sản đảm bảo:

Trường hợp ông Đào Quang M, bà Nguyễn Thị T không trả đầy đủ toàn bộ số nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu chi cục thi hành án kê biên xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn gắn liền với đất tại thửa đất 1601 (thửa mới: 520), tờ bản đồ số 02 (tờ bản đồ mới: 07), diện tích 200m2 do UBND huyện Diễn Châu cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X427487 ngày 07/08/2003; địa chỉ thửa đất tại: Xóm TT, xã N, huyện D, Nghệ An. Tài sản thế chấp đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 02/2015/8058574/HĐBĐ ngày 11/11/2015.

Nếu tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ thì buộc ông Mạo, bà Thắng tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng TMCP B.

2.3 Về án phí: Ngân hàng TMCP B và ông Đào Quang M, bà Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận: Ông M, bà T phải chịu 4.782.845 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Xét đơn xin miễn giảm án phí của ông M, bà T do hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận.

- Căn cứ Điều 13, khoản 2 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xét giảm ½ số tiến án phí cho ông Đào Quang M, bà Nguyễn Thị T. Ông M, bà T còn phải nộp phải nộp 2.391.400 đồng (Hai triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí 4.641.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0001870 ngày 14/01/2021 tại Chi cục thi hành án huyện D, tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKS huyện D
- THA huyện D
- TAND tỉnh Nghệ An
- Các đương sự
- Lưu HS,VP

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Đình Lâm